

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2025/LĐ-ST  
Ngày: 04-4-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Thị Thu Yến - Nguyên Phó Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 426/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn J; địa chỉ: lô C, khu công nghiệp V, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông CHU CHIH HUA – Chức vụ: Tổng Giám đốc; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: tổ E, ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc Đ trình bày:*

Bà Đ có mã số bảo hiểm xã hội là 9106051152. Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà Đ đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương và được thông báo thời điểm từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 bà Đ có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn J (sau đây viết tắt là Công ty J) nên Công ty J đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đ vào thời gian trên.

Thực tế trong khoảng thời gian này bà Đ đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn E. Do thời điểm này bà Huỳnh Thị M chưa đủ tuổi lao động nên bà Đ có cho bà M mượn chứng minh nhân dân của bà Đ để ký hợp đồng lao động với Công ty J và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà Đ từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008. Trên thực tế bà M mới là người trực tiếp ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty J. Do cùng một khoảng thời gian nhưng bà Đ được đóng bảo hiểm tại hai doanh nghiệp nên bà Đ không thể rút bảo hiểm xã hội.

Bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phạm Ngọc Đ (do bà Huỳnh Thị M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 vô hiệu toàn bộ.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J trình bày:* vào thời điểm tháng 4 năm 2016, Công ty có nhận người lao động tên Phạm Ngọc Đ vào làm việc. Hồ sơ xin việc của bà Đ nộp đầy đủ theo quy định. Hàng tháng Công ty đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty không biết việc người lao động mượn chứng minh nhân dân của người khác để đi xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty. Công ty đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì trong vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:* trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008, bà M có mượn giấy tờ của bà Đ để đi làm tại Công ty J vì tại thời điểm đó bà M chưa đủ tuổi và cần đi làm để phụ giúp gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì bà M thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày tại Công văn số 121/CV-BHXXH ngày 22 tháng 01 năm 2025 với nội dung:* qua rà soát dữ liệu, Công ty J đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1985; số căn cước công dân: 089185022309 (số chứng minh nhân dân: 351805327), với mã số bảo hiểm xã hội 9106051152 từ tháng 4 năm 2006 đến

tháng 8 năm 2008. Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn, nội dung, thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động có tên Phạm Ngọc Đ (do bà Huỳnh Thị M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Trách nhiệm hữu hạn J vi phạm nguyên tắc trung thực quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động 1994 (khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019). Do đó, căn cứ Điều 132 của Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015), Điều 49, Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2019), hợp đồng lao động giữa bà Phạm Ngọc Đ (do bà Huỳnh Thị M là người ký kết) với Công ty J là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: bà Đ khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Phạm Ngọc Đ (do bà Huỳnh Thị M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Trách nhiệm hữu hạn J trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 vô hiệu toàn bộ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn J có địa chỉ tại lô C, khu công nghiệp V, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đã có ý kiến trình bày và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty J và bà Phạm Ngọc Đ. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có việc giao kết hợp

đồng lao động như nêu trên. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bà Huỳnh Thị M dùng chứng minh nhân dân của bà Phạm Ngọc Đ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty J từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 và được Công ty Đ1 (được thể hiện đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 9106051152). Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội, có cơ sở xác định: việc bà M sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà Đ để giao kết hợp đồng lao động với Công ty J là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015), yêu cầu của bà Đ về việc tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên Phạm Ngọc Đ và Công ty J từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[6] Bà M và Công ty J không có tranh chấp gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với quyền lợi của bà Huỳnh Thị M: do bà M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An là phù hợp.

[9] Án phí lao động sơ thẩm: nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 122, 132, 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (các điều 117, 122, 127 và 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015);

Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 (các điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019);

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Phạm Ngọc Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn J từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008 vô hiệu toàn bộ.

3. Hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Phạm Ngọc Đ theo quy định của pháp luật.

4. Án phí lao động sơ thẩm: bà Phạm Ngọc Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp là theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009547 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**